

# Bản tin tuần

Tuần từ 04/1 đến 07/1 năm 2011

Địa chỉ liên hệ:  
Ban Phân tích  
Email: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)  
Website: <http://psi.vn>

## CTCP CK Dầu khí (PSI)

*Trụ sở chính:*

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

*Chi nhánh TP.HCM:*

Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu

ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26;

Fax: (84-64) 6254521

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng –

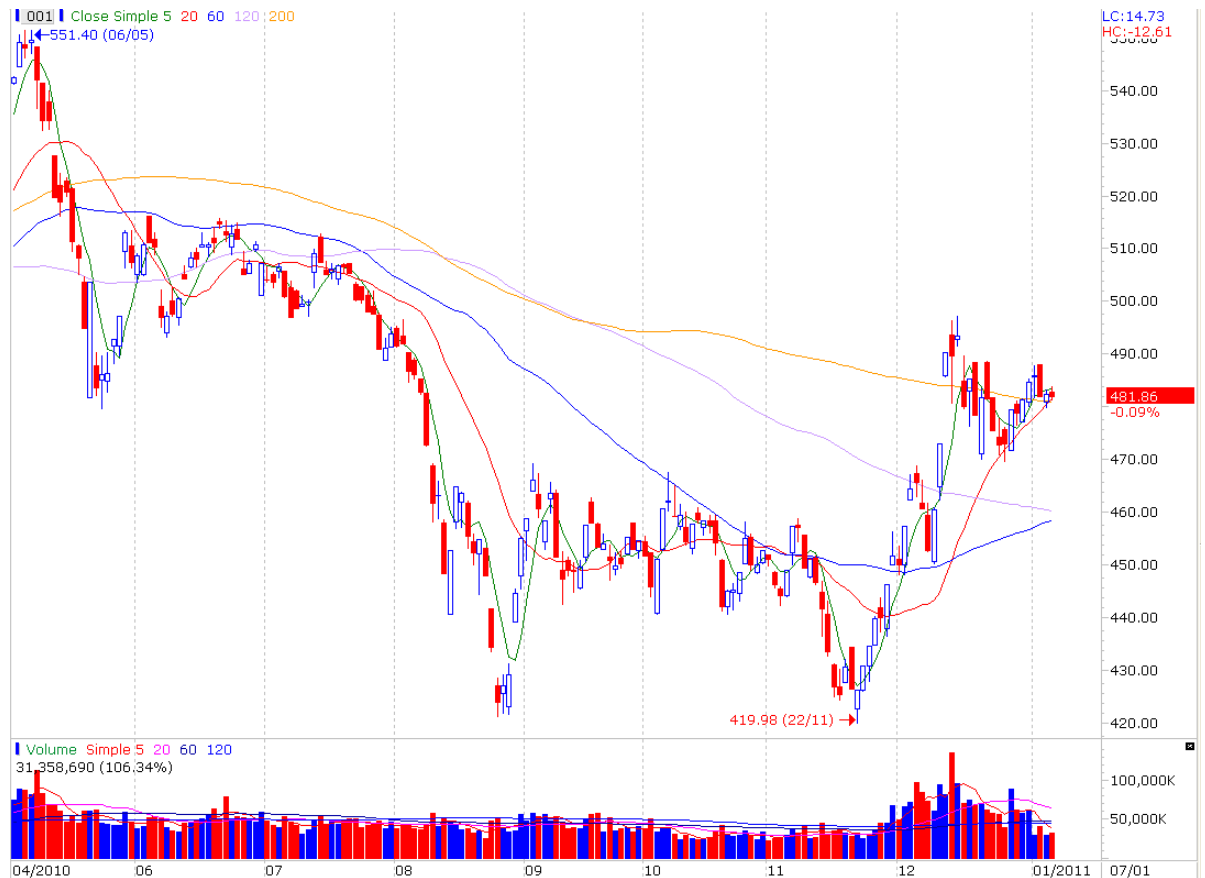
ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339

<b>I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN</b>	<b>Trang 2</b>
<b>HSX</b>	<b>Trang 2</b>
<b>HNX</b>	<b>Trang 3</b>
<b>II. KINH TẾ VĨ MÔ</b>	<b>Trang 5</b>
<b>1. Tin Kinh tế</b>	<b>Trang 5</b>
<b>2. Thị trường tiền tệ</b>	<b>Trang 7</b>
<b>III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH</b>	
<b>Thống kê giao dịch theo tuần</b>	<b>Trang 11</b>
<b>Thống kê giao dịch phiên cuối tuần</b>	<b>Trang 12</b>
<b>Lịch sự kiện</b>	<b>Trang 14</b>

## I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

HSX:

Consolidations



VN-Index mở đầu năm 2011 với một tuần giao dịch âm đạm. Trong tuần, chỉ số không có nhiều biến động khi chủ yếu chỉ giao động trong biên độ hẹp trong khoảng 480-488 điểm. Sau hai phiên tăng điểm và hai phiên giảm điểm, chỉ số tạm dừng ở mức 481,86 điểm, giảm 2,8 điểm, tương đương với mức giảm 0,58% so với tuần trước. Thanh khoản của thị trường giảm mạnh với tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 131,019 triệu cổ phiếu (32,755 triệu/phiên), tương ứng với 3.250,3 tỷ đồng (812,5 tỷ/phiên), trong đó chỉ có phiên giao dịch ngày thứ 4 có giá trị giao dịch trên 1.000 tỷ đồng.

Trong phiên giao dịch cuối tuần, chỉ số tăng nhẹ vào đầu phiên nhưng lực bán tăng mạnh về cuối phiên khiến hàng loạt mã chuyển từ xanh sang đỏ và chỉ số đóng cửa với mức giảm 0,45 điểm (0,09%) so với phiên trước. Thanh khoản tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp, toàn phiên chỉ có 31,36 triệu đơn vị, tương đương với 807,9 tỷ đồng giá trị được chuyển nhượng. Tại thời điểm kết thúc phiên, BVH tăng 1,000 đồng, MSN, HAG, VNM, STB đứng giá trong khi VCB, VIC, SSI giảm giá.

Khối ngoại trong tuần giảm nhẹ lượng mua ròng với 164,4 tỷ đồng, trong đó họ mua vào 526,3 tỷ đồng và bán ra 361,9 tỷ đồng.

*Thị trường có sự hứng khởi khi mở đầu nhưng lượng bán mạnh khiến thị trường không tăng được và giảm điểm nhẹ cuối phiên. Về xu hướng chung, thị trường vẫn đang xu hướng diễn biến như chúng tôi nhận định khoảng 1 tuần nay và không thay đổi. Điều đó khiến cho các nhận định của chúng tôi không thay đổi trong khoảng 1 tuần nay do xu hướng thị trường vẫn vậy: suy giảm nhẹ với khối lượng giao dịch ngày càng thấp. Thị trường cần xuống một mặt bằng giá thấp hơn để có thể thu hút lượng tiền đầu tư vào mạnh mẽ đẩy thị trường đi lên.*

*Các phiên đầu tuần sau là những phiên quan trọng quyết định đến thị trường, nếu thị trường không*

tăng điểm được các phiên đầu tuần sau thì chúng tôi e ngại là động lực tăng điểm của thị trường đã yếu đi khi thị trường không còn nhiều tin tức tích cực. Các tin về kết quả kinh doanh năm 2010 đang lần lượt ra và đại hội đảng cũng đã chuẩn bị diễn ra. Điều này có nghĩa là thị trường không có nhiều tin tức kỳ vọng phía trước và khó có thể tăng điểm. Các phiên đầu tuần sau nếu thị trường giảm điểm xuống dưới 479 điểm thì lực bán sẽ gia tăng và xu hướng tăng ngắn hạn được xác nhận là kết thúc, thị trường sẽ giảm về đâu đó khoảng 470 điểm và test hỗ trợ mạnh tại 470 điểm.

Trông bối cảnh 3-6 tháng sau, chúng tôi vẫn lạc quan vào thị trường với những điều kiện kinh tế vĩ mô sẽ được cải thiện sau đại hội đảng và lãi suất sẽ giảm từ quý II. Điều đó có nghĩa là nhà đầu tư trung – dài hạn có thể tận dụng mua vào cổ phiếu khi thị trường giảm điểm đến mức giá hấp dẫn.

**HNX:**

**Bearish**



Trong suốt tuần giao dịch, HNX-Index thường xuyên lặp lại kịch bản tăng nhẹ vào đầu phiên và giảm dần trong thời gian còn lại của phiên. Chỉ số biến động với biên độ hẹp trong khoảng 110-115 điểm. Phiên giao dịch cuối tuần, biến động của chỉ số cũng không có nhiều khác biệt và mức giá đóng cửa tiếp tục xấp xỉ mức thấp nhất trong ngày. Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, HNX-Index tạm ngừng tại mức 110,04 điểm, giảm 4,3 điểm, tương đương với mức giảm 3,8% so với phiên cuối tuần trước.

Thanh khoản thị trường giảm mạnh. Tổng bốn phiên giao dịch trong tuần, chỉ có 97,88 triệu cổ phiếu (24,47 triệu/phiên), tương đương với 1.903,4 tỷ đồng (475,9 nghìn/phiên) giá trị được chuyển nhượng. Nhà đầu tư nước ngoài trong tuần qua mua vào 4,43 triệu đơn vị, tương đương với 97,4 tỷ đồng, đồng thời cũng bán ra 1,9 triệu đơn vị, tương đương với 40,2 tỷ đồng. Như vậy, trong tuần họ mua ròng 57,2 tỷ đồng, giảm mạnh so với 90 tỷ đồng của tuần trước.

*HNX-index giảm điểm mạnh về gần hỗ trợ 110 điểm cho thấy mô hình Head and Shoulders mà chúng tôi nêu nên trong các bản tin gần đây đang dần trở thành hiện thực. Đây là mô hình cực xấu và nếu*

thị trường giảm xuống dưới 108-110 điểm nhà đầu tư nên bán ra cắt lỗ. Mục tiêu của mô hình này là vùng 104 và 98 điểm. Trong đó mục tiêu 98 điểm thường là mục tiêu khả thi hơn.

### Giao dịch cổ phiếu các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Tuần qua, trong 30 cổ phiếu thuộc PVN niêm yết, có 26 cổ phiếu giảm giá, 1 cổ phiếu đứng giá và 3 cổ phiếu tăng giá. Ngoài ra, cổ phiếu PPS của công ty Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam là cổ phiếu mới niêm yết trong tuần. Trung bình, nhóm cổ phiếu thuộc PVN giảm 3,11% so với tuần trước. Khối lượng giao dịch giảm mạnh, chỉ đạt 25,83 triệu cổ phiếu.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN tuần 1/2011:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (1 cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B*	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	19.7	850,400	↓ -6.19	1.49	8.47	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	11.2	4,900	↓ -2.61	1.01	35.72	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	10.0	105,900	↓ -4.76	1.28	104.60	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	13.2	641,200	↓ -3.65	0.58	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	25.5	749,400	↓ -2.67	1.68	2.03	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	14.6	239,200	↓ -3.95	1.25	6.04	HNX
7	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	13.0	240,000	N/A	1.12	26.95	HNX
8	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13.4	1,402,400	↑ 0.75	1.15	10.43	HNX
9	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	10.7	171,600	↓ -5.31	0.67	N/A	HNX
10	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	43.2	513,100	↓ -5.05	2.31	6.29	HNX
11	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	25.8	1,234,800	↓ -3.73	1.99	6.58	HNX
12	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	15.5	157,200	↓ -3.73	1.37	6.54	HNX
13	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13.2	288,300	↓ -4.35	0.59	9.92	HNX
14	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17.6	370,700	↓ -2.22	1.63	7.78	HNX
15	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	14.0	1,407,400	↓ -6.67	1.24	N/A	HNX
16	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	11.3	116,600	↓ -4.24	0.64	21.26	HNX
17	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20.7	2,141,000	↓ -0.48	1.71	5.42	HNX
18	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	14.2	49,100	↓ -4.05	1.17	5.52	HNX
19	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	21.5	7,121,300	↓ -2.27	1.43	6.93	HNX
20	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	37.4	2,546,320	↓ -1.58	2.52	8.64	HSX
21	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17.0	823,990	↓ -1.16	1.02	6.94	HSX
22	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	36.0	474,220	↔ 0.00	3.22	5.32	HSX
23	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	12.2	532,410	↓ -5.43	0.51	13.49	HSX
24	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	51.0	615,670	↓ -3.77	3.86	14.60	HSX
25	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	23.9	344,330	↑ 1.70	2.23	48.71	HSX
26	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10.1	592,680	↓ -0.98	0.85	39.68	HSX
27	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	14.6	282,830	↓ -7.59	1.40	6.60	HSX
28	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	10.1	1,140,910	↓ -5.61	0.91	N/A	HSX
29	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12.8	132,120	↓ -5.19	1.09	9.91	HSX
30	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14.7	441,370	↑ 3.52	1.38	6.32	HSX
31	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	9.9	102,820	↓ -1.98	0.84	12.47	HSX
32	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.6	28,295,100	↓ -3.64	0.00	0.00	UPCOM
33	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửa Long	5.2	12,800	↓ -8.77	0.53	N/A	UPCOM
34	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.0	-	↔ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
35	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8.5	73,305	↓ -3.41	0.77	N/A	UPCOM
36	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7.0	30,400	↓ -6.67	0.00	0.00	UPCOM
37	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	8.4	-	↔ 0.00	0.84	N/A	UPCOM
38	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15.5	-	↔ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

## II. KINH TẾ VĨ MÔ

### 1. Tin kinh tế

#### Tin thế giới

Kinh tế thế giới trong tuần đầu năm 2011 chứng kiến sự tăng điểm ở tất cả các sàn chứng khoán lớn trên thế giới. Các nhà đầu tư bắt đầu năm mới với sự lạc quan khi kinh tế Mỹ. Châu Âu và Châu Á đón nhận nhiều thông tin tích cực về sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Tuy có sự suy giảm về cuối tuần do báo cáo thất nghiệp chưa được cải thiện nhưng xét cả tuần, các sàn đều tăng điểm so với cuối tuần trước

Chỉ số	Tuần trước*	Tuần này*	Thay đổi
Dow Jones Ind. Ave.	11,569.71	11,697.31	
S&P 500	1,257.88	1,273.85	
Nasdaq Comp.	2,662.98	2,709.89	
FTSE 100	5,971.01	6,019.51	
DAX	6,914.19	6,981.39	
CAC 40	3,850.76	3,904.42	
Nikkei 225	10,228.92	10,514.37	
Hang Seng	22,999.34	23,805.44	
Shanghai Comp.	2,765.83	2,824.12	

\* Giá đóng cửa tuần này tính tới 14:50 GMT+7 7-1-2011  
Nguồn Google Finance; PSI tổng hợp

#### Kinh tế Mỹ: bức tranh hồi phục kinh tế thể hiện khác biệt trong các báo cáo về sản xuất và việc làm

Trong báo cáo mới nhất của Viện quản lý nguồn cung (ISM), chỉ số sản xuất tháng 12 tăng tháng thứ 17 liên tiếp từ 56.6 điểm lên mức cao 7 tháng 57 điểm. Mặc dù mức điểm này thấp hơn so với mức dự báo 57.3% của các nhà kinh tế, tuy nhiên ngưỡng trên 50 điểm cho thấy lĩnh vực này đang tăng trưởng. Chỉ tiêu xây dựng cũng tăng 0.4% trong tháng 11, tuy thấp hơn so với mức tăng 0.7% hồi tháng 10 nhưng cao hơn so với dự báo tăng 0.2% của các nhà kinh tế. Chỉ số dịch vụ cũng cải thiện, tăng 57.1 điểm, mức cao nhất kể từ năm 2006, vượt đà leo thang 55 điểm trong tháng 11. Các chỉ số này cho thấy bức tranh kinh tế Mỹ đã có phần sáng sủa hơn, tuy nhiên theo ý kiến chúng tôi, các chỉ số này chưa thực sự thể hiện hết toàn cảnh kinh tế. Nguồn cung tăng một các tháng cuối năm tăng một phần cũng do đồng đôla suy yếu sao khi chính phủ Mỹ thông qua ngân sách 600 tỷ USD mở rộng định lượng tháng 11. Đồng đôla yếu đi đã hỗ trợ xuất khẩu của Mỹ, góp phần tăng trưởng hoạt động sản xuất.

Báo cáo việc làm mới của ADP cho thấy kinh tế Mỹ vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn trong vấn đề thất nghiệp. Trong tháng 12, lĩnh vực tư nhân tăng thêm 297,000, mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2001 và gấp gần 3 lần so với dự báo 100,000 việc làm của các nhà kinh tế. nhưng số đơn xin nhận trợ cấp thất nghiệp trong tuần vẫn tăng 18,000 lên 409,000. Nguyên nhân chủ yếu là thay vì thuê nhân công trong nước, các công ty lại mượn người nước ngoài. Theo Viện Chính sách Kinh tế của Mỹ, các doanh nghiệp nước này đã tạo ra khoảng 1,4 triệu việc làm ở nước ngoài trong năm 2010, trong khi ở Mỹ chỉ hơn 1 triệu, nếu như con số 1.4 triệu này dành cho người Mỹ, tỷ lệ thất nghiệp có thể giảm xuống 8.9%. Các doanh nghiệp vẫn ăn nên làm ra trong khi người dân Mỹ vẫn vật lộn để kiếm sống- đây sẽ vẫn là vấn đề nan giải đối với các nhà lãnh đạo trong thời gian sắp tới

#### Khu vực Châu Âu: kinh tế chưa có dấu hiệu khởi sắc trong năm mới

Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 11 của Eurozone tăng 0.3% so với tháng 10 và 4.5% so với cùng kỳ năm ngoái. Số đơn đặt hàng công nghiệp tháng 10 tại Eurozone tăng 1.4% so với tháng trước và 14.8% so với cùng kỳ năm ngoái Chỉ số quản lý thu mua (PMI) tháng 12 của Eurozone đứng yên ở mức cao 3 tháng 55.5 điểm, PMI dịch vụ tháng 12 giảm xuống 54.2 điểm từ mức 55.4 điểm trong tháng 11 nhưng cao hơn dự báo 53.7 điểm. Các chỉ số tích cực về sản xuất và dịch vụ chưa đủ để làm bức tranh kinh tế khu vực Eurozone vốn xám xịt trở nên sáng sủa hơn. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn chỉ số giá tiêu dùng (CPI) vẫn cao: CPI tháng 12 của Eurozone đã tăng 2.2%, vượt mức trần gần 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), ngay cả nước đang ổn định nhất trong Châu Âu như Đức, số người thất nghiệp tăng vọt thêm 3,000 trong tháng 12. Tuy nhiên lo lắng tình hình nợ công Tây Ban Nha cũng đã giảm bớt khi Thủ Tướng Tây Ban Nha cho biết tình hình thâm hụt ngân sách nước này các tháng vừa qua đã có cải thiện và Trung Quốc cho biết sẽ tiếp tục mua trái phiếu chính phủ Tây Ban Nha.

[www.psi.vn](http://www.psi.vn) | [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Báo cáo của PSI có thể tìm thấy trên website của chúng tôi.

### ***Khu vực Châu Á: Châu Á trong những ngày đầu năm mới không có nhiều tin mới, mọi sự quan tâm vẫn xoay quanh lạm phát tại Trung Quốc và việc tăng giá đồng NDT***

Lo lắng về khả năng chương trình QE2 của FED sẽ khiến dòng vốn vào Trung Quốc lên mạnh, tạo ra bong bóng tài sản và khiến áp lực nâng giá đồng nhân dân tệ tăng cao, Trung Quốc cho biết sẽ tăng cường việc quản lý dự trữ ngoại hối để chặn dòng tiền đầu cơ. Ngân hàng Trung ương Trung Quốc cho biết sẽ quản lý chặt thanh khoản trong hệ thống ngân hàng, định hướng tăng trưởng tín dụng bền vững và tăng tính linh hoạt cho đồng nhân dân tệ. Chính phủ Trung Quốc đang cố gắng đưa ra biện pháp kiềm chế lạm phát hiện đã tăng nhanh nhất trong 2 năm và hạn chế bong bóng tài sản sau khi tín dụng tăng trưởng mạnh giúp kinh tế hồi phục. Chính phủ Trung Quốc sẽ áp dụng chính sách tiền tệ thận trọng trong năm 2010 và sẽ sử dụng nhiều công cụ khác nhau, trong đó bao gồm cả lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc và hoạt động trên thị trường mở để điều chỉnh thanh khoản trong hệ thống ngân hàng.

### **Tin trong nước**

*Trong nước trong những ngày đầu năm mới không có nhiều động thái kinh tế đáng chú ý. Tất cả đều đang hướng sự chú ý đến Đại Hội Đảng XI sẽ diễn ra trong tháng 1/2011*

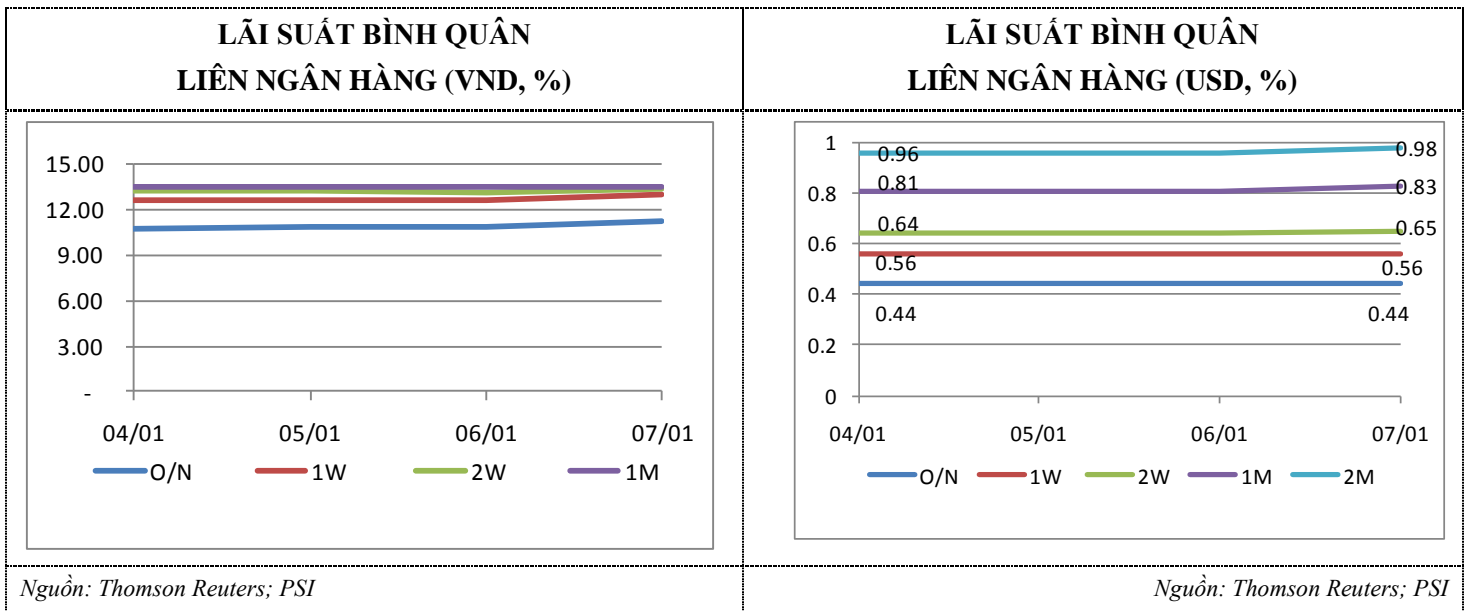
Trong năm 2010, lượng kiều hối chuyển về VN đã đạt kỷ lục trên 8 tỷ USD, đây là con số khá bất ngờ khi vì trước đó các chuyên gia đưa ra mức dự báo kiều hối năm 2010 chỉ đạt 6 tỉ USD do năm 2009, kiều hối chuyển về VN giảm gần 13% so với năm 2008. Kinh tế thế giới, đặc biệt là kinh tế Mỹ có phần hồi phục tạo điều kiện việc cho kiều bào và chất lượng phục vụ của các đơn vị chi trả kiều hối ngày càng nâng cao là hai nhân tố chính gia tăng lượng kiều hối.

So với lãi suất tiền gửi ngoại tệ đang được các ngân hàng huy động hiện nay dao động trên 5%/năm, lãi suất tiền gửi bằng VND không cao nhiều nên khó thu hút vốn trong nhân dân. Bắt đầu từ ngày 1/1/2011, khi Luật NHNN và Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực, NHNN sẽ có thể áp dụng các quy định về cơ chế điều chỉnh hạ lãi suất tiền gửi ngoại tệ và tăng lãi suất cho vay ngoại tệ để người dân ít quan tâm hơn tới ngoại tệ mà chuyển sang gửi bằng VND

## 2. Thị trường tiền tệ

### Lãi suất

Lãi suất huy động tiền VNĐ và USD thị trường liên ngân hàng đều tăng, lãi suất VNĐ liên ngân hàng các kỳ hạn đều ở trên mức 10%, Tổng doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng lên tới xấp xỉ 218.825 tỷ VNĐ và 4.825 triệu USD, bình quân đạt khoảng 36.367 tỷ VNĐ và 804 triệu USD/ngày. Các giao dịch VNĐ chủ yếu phát sinh đối với các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 2 tuần với tổng doanh số của các kỳ hạn này chiếm 82% so với tổng doanh số giao dịch cả tuần. Doanh số VNĐ qua đêm đạt 60.204 tỷ, chiếm 27% tổng doanh số cả tuần (một tỷ trọng rất thấp khi thời gian gần đây có từ 40% - 45%); doanh số giao dịch USD qua đêm đạt 3.074 triệu USD, chiếm 64% tổng doanh số cả tuần. Nhu cầu vốn tăng cao, doanh số lớn nhưng lãi suất chỉ tăng nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn; thậm chí có xu hướng giảm trong các ngày 30 và 31/12. Nhu cầu và doanh số đột biến nhưng lãi suất khả bình ổn cho thấy thị trường liên ngân hàng đang hoạt động tốt.

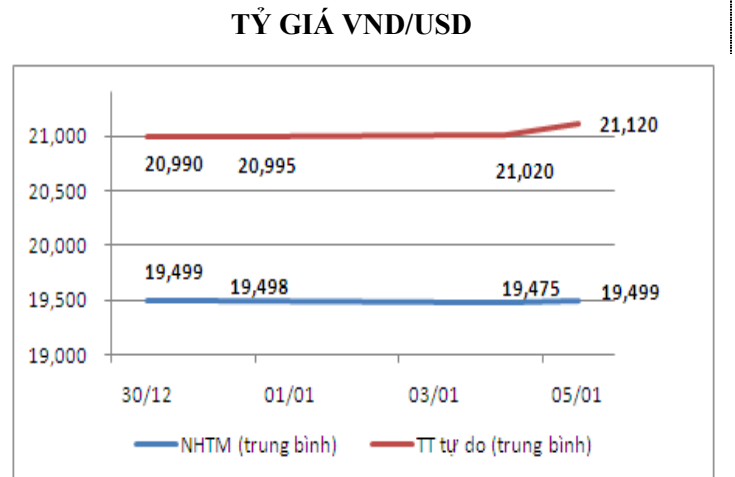


### Thị trường vàng và ngoại hối

#### Tỷ giá tăng, vàng sau đầu tuần hạ nhiệt bắt đầu tăng trở lại

Trên thế giới, nhờ các thông tin tích cực về kinh tế, đồng đôla tăng giá. Xu hướng này cũng ảnh hưởng đến tỷ giá đôla trong nước tỷ giá tăng lên mức 21,000 VNĐ/USD. Trong thời điểm người dân chờ các chính sách kinh tế từ Đại Hội Đảng XI để kiểm chế lạm phát và lãi suất, nhu cầu tích trữ đồng USD đang tăng lên như một đồng tiền dự trữ đảm bảo

Vàng thế giới giảm giá mạnh xuống dưới mốc 1390 USD/ounce, trong ngày cuối cùng giao dịch ở mức 1373 USD/ounce, mức sâu trong 11 tháng bởi dự báo kinh tế phục hồi mạnh hơn, nhu cầu đối với vàng trong vai trò



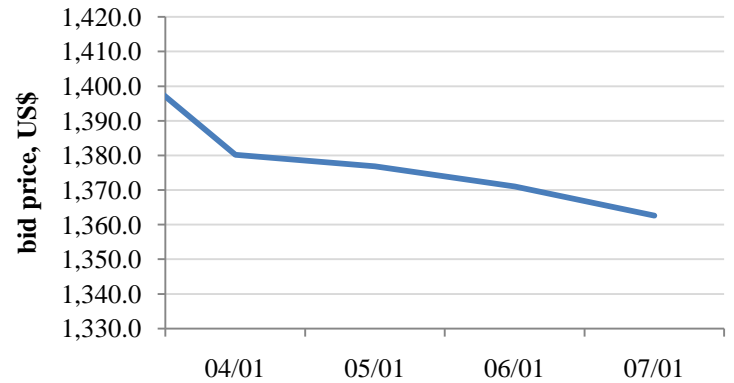
Nguồn: Thomson Reuters; PSI

### GIÁ VÀNG

công cụ đầu tư an toàn sẽ giảm bớt.

Vàng trong nước sau đầu tuần giảm theo xu hướng thế giới, đến cuối tuần bắt đầu có dấu hiệu tăng trở lại do nhu cầu mua vàng vào dịp cuối năm. Hôm nay 7/1, Giá vàng SBJ tại Sacombank ở mức 35,79 – 35,83 triệu đồng/lượng, giá vàng SJC ở mức 35,75 – 35,85 triệu đồng/lượng

## Spot gold

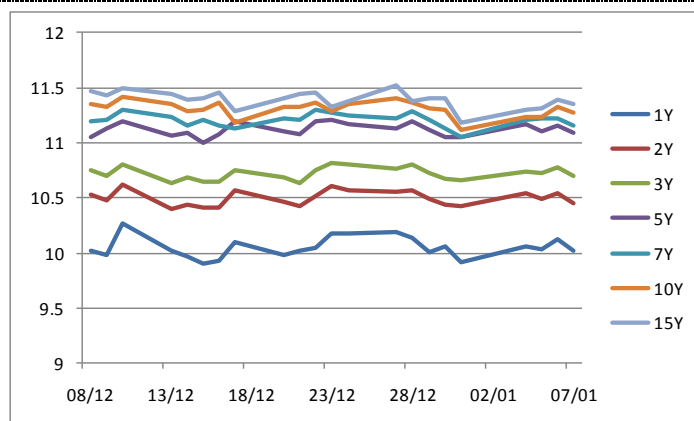


Nguồn: Thomson Reuters; PSI

## Thị trường trái phiếu

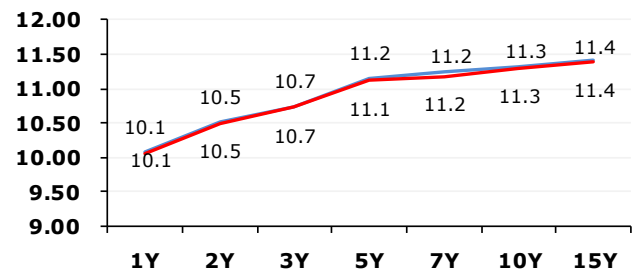
Lãi suất trái phiếu chính phủ trung bình trong tuần này tăng nhẹ trở lại ở các kỳ hạn ngắn và trung hạn, mức tăng khoảng 7 tới 9 điểm cơ bản. Giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX tiếp tục ở mức trung bình với hơn 42 triệu đơn vị trái phiếu được giao dịch trong tuần vừa rồi.

### LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (BÌNH QUÂN, %)



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

### BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (%) ( tuần 27-31/12 và 4/1-7/1)



Nguồn: Thomson Reuters; PSI



**Thống kê giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX**

Ngày	Loại TP	Mã TP	Đáo hạn	Coupon (%)	Lợi suất cao nhất (%)	Lợi suất thấp nhất (%)	Tổng khối lượng
7/1/2011	TPCP	TP4A0706	23/02/2021	9,25	10,50	10,50	1.000.000
	TPCP	TP4A0206	20/01/2021	9,25	11,02	11,02	3.800.000
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	14,95	14,95	1.000.000
6/1/2011	TPCP	CPD0811041	9/9/2011	16,00	10,30	10,30	200
	TPCP	CP4A2103	10/9/2018	8,84	10,20	10,20	132
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	5,11	5,11	6.000.000
	TPCP	TB1015041	13/05/2015	11,33	11,01	11,01	400
5/1/2011	TPCP	CPD1012012	22/03/2012	12,00	10,20	10,20	1.000.000
	TPCP	TP4A4204	17/09/2019	9,00	11,04	11,04	1.900.000
	TPCP	TP4A3904	27/08/2019	9,00	11,04	11,04	3.300.000
	TPCPBL	QHB1020028	22/04/2020	11,50	11,04	11,04	3.100.000
	TPCPBL	VDB110029	24/05/2020	11,60	5,71	5,71	5.000.000
4/1/2011	TPCP	CPB1012010	10/3/2012	12,00	10,30	10,30	1.000.000
	TPCP	CPD0811041	9/9/2011	16,00	10,55	10,25	2.200.000
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	5,02	5,02	6.000.000
	TPCP	QHD0919024	16/11/2019	9,90	9,90	9,90	3.000.000
	TPCPBL	VDB110024	28/05/2020	11,50	11,02	11,02	4.000.000
Tổng khối lượng							42.300.732

Nguồn: HNX 7-1-2010 13:53 GMT+7

### III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH

#### THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT THEO TUẦN

##### HSX

HSX	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	481.86 ↓	-2.80	-0.58%
KLGD (triệu ck)	190.97 ↓	-118.64	-38.32%
GTGD (tỷ đồng)	4,590.03 ↓	-2,861.84	-38.40%

##### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	32,000	31,100	-2.81	348,445
HAG	81,000	80,000	-1.23	225,980
DPM	38,000	37,400	-1.58	96,523
MCG	15,800	14,900	-5.70	96,065
ITC	24,800	23,500	-5.24	95,077

##### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PXS	14,000	14,700	700	5.00
VPL	46,500	48,800	2,300	4.95
PAN	18,300	19,200	900	4.92
SRC	27,100	28,400	1,300	4.80
LGC	27,600	28,900	1,300	4.71

##### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TIC	10,200	9,700	-500	-4.90
PHT	14,400	13,700	-700	-4.86
DCC	28,900	27,500	-1,400	-4.84
MHC	8,400	8,000	-400	-4.76
HAI	34,000	32,400	-1,600	-4.71

##### HNX

HNX	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	110.04 ↓	-2.60	-2.31%
KLGD (triệu ck)	156.03 ↓	-52.11	-25.04%
GTGD (tỷ đồng)	3,209.17 ↓	-794.79	-19.85%

##### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	22,700	22,200	-2.20	37,843
SHN	22,700	22,700	0.00	37,824
PVX	21,600	21,500	-0.46	34,015
KLS	15,600	15,400	-1.28	33,786
PVS	20,900	20,700	-0.96	30,896

##### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
ADC	10,000	10,700	700	7.00
LUT	30,200	32,300	2,100	6.95
SSG	14,500	15,500	1,000	6.90
DAC	49,400	52,800	3,400	6.88
VE9	24,900	26,600	1,700	6.83

##### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PMS	18,700	17,400	-1,300	-6.95
KST	20,200	18,800	-1,400	-6.93
V12	14,500	13,500	-1,000	-6.90
CT6	14,600	13,600	-1,000	-6.85
VNR	29,400	27,400	-2,000	-6.80

##### UPCOM

UPCOM	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	44.72 ↓	-0.47	-1.04%
KLGD (triệu ck)	29.49 ↑	27.80	1645.38%
GTGD (tỷ đồng)	346.94 ↑	330.07	1957.21%

##### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
NT2	11,500	10,600	-7.83	333,120
HPL	19,000	19,000	0.00	749
MAX	28,500	25,700	-9.82	226
UDJ	11,100	11,300	1.80	187
PDN	46,500	51,100	9.89	174

##### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
PDN	46,500	51,100	4,600	9.89
ND2	6,300	6,900	600	9.52
PTP	7,400	8,100	700	9.46
BMJ	20,100	21,900	1,800	8.96

##### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
ACC	30,500	27,000	-3,500	-11.48
IMT	10,000	9,000	-1,000	-10.00
MAX	28,500	25,700	-2,800	-9.82
ITD	15,700	14,200	-1,500	-9.55
IN4	9,800	9,000	-800	-8.16

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT PHIÊN CUỐI TUẦN

### HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
<b>VN-Index</b>	481.86 ↓	-0.45	-0.09%
<b>KLGD (triệu ck)</b>	31.36 ↑	1.87	6.34%
<b>GTGD (tỷ đồng)</b>	807.90 ↑	110.18	15.79%
<b>Tổng cung (triệu ck)</b>	58.13 ↑	1.57	2.77%
<b>Tổng cầu (triệu ck)</b>	61.76 ↓	-0.03	-0.04%
<b>Giao dịch NN</b>			
<b>KL mua (triệu ck)</b>	3.72 ↑	0.63	20.17%
<b>KL bán (triệu ck)</b>	3.02 ↑	1.66	121.56%
<b>Giá trị mua (tỷ đồng)</b>	160.31 ↑	43.38	37.10%
<b>Giá trị bán (tỷ đồng)</b>	150.01 ↑	108.57	262.01%

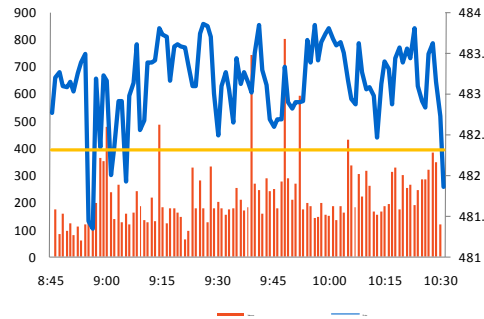
### HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
<b>HNX-Index</b>	110.04 ↓	-1.40	-1.26%
<b>KLGD (triệu ck)</b>	26.49 ↑	6.91	35.30%
<b>GTGD (tỷ đồng)</b>	508.54 ↑	123.12	31.94%
<b>Giao dịch NN</b>			
<b>KL mua (triệu ck)</b>	2.38 ↑	1.99	511.45%
<b>KL bán (triệu ck)</b>	1.42 ↑	1.24	720.94%
<b>Giá trị mua (tỷ đồng)</b>	50.31 ↑	41.04	442.72%
<b>Giá trị bán (tỷ đồng)</b>	30.18 ↑	26.49	718.63%

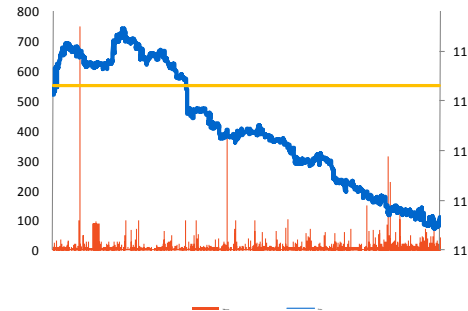
### UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
<b>UPCOM-Index</b>	44.72 ↓	-1.10	-2.40%
<b>KLGD (triệu ck)</b>	28.37 ↑	28.24	22166.80%
<b>GTGD (tỷ đồng)</b>	335.10 ↑	333.64	22970.22%
<b>Tổng cung (triệu ck)</b>	0.01 ↓	-0.66	-98.01%
<b>Tổng cầu (triệu ck)</b>	0.01 ↓	-0.51	-97.97%

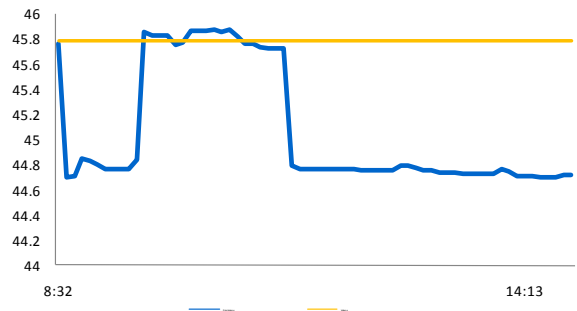
VN-Index



HNX-Index



UPCOM-Index



### HSX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
HAG	80,000	80,000	0.00	58,900
SSI	31,200	31,100	-0.32	48,666
DPM	38,000	37,400	-1.58	36,964
VNM	85,000	85,000	0.00	34,750
VIC	96,000	95,500	-0.52	32,834

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PXS	14,000	14,700	700	5.00
VPL	46,500	48,800	2,300	4.95
PAN	18,300	19,200	900	4.92
SRC	27,100	28,400	1,300	4.80
LGC	27,600	28,900	1,300	4.71

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TIC	10,200	9,700	-500	-4.90
PHT	14,400	13,700	-700	-4.86
DCC	28,900	27,500	-1,400	-4.84
MHC	8,400	8,000	-400	-4.76
HAI	34,000	32,400	-1,600	-4.71

### HNX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
VND	22,700	22,200	-2.20	37,843
SHN	22,700	22,700	0.00	37,824
PVX	21,600	21,500	-0.46	34,015
KLS	15,600	15,400	-1.28	33,786
PVS	20,900	20,700	-0.96	30,896

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
ADC	10,000	10,700	700	7.00
LUT	30,200	32,300	2,100	6.95
SSG	14,500	15,500	1,000	6.90
DAC	49,400	52,800	3,400	6.88
VE9	24,900	26,600	1,700	6.83

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PMS	18,700	17,400	-1,300	-6.95
KST	20,200	18,800	-1,400	-6.93
V12	14,500	13,500	-1,000	-6.90
CT6	14,600	13,600	-1,000	-6.85
VNR	29,400	27,400	-2,000	-6.80

### UPCOM

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
NT2	11,500	10,600	-7.83	333,120
HPL	19,000	19,000	0.00	749
MAX	28,500	25,700	-9.82	226
UDJ	11,100	11,300	1.80	187
PDN	46,500	51,100	9.89	174

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
PDN	46,500	51,100	4,600	9.89
ND2	6,300	6,900	600	9.52
PTP	7,400	8,100	700	9.46
BMJ	20,100	21,900	1,800	8.96

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
ACC	30,500	27,000	-3,500	-11.48
IMT	10,000	9,000	-1,000	-10.00
MAX	28,500	25,700	-2,800	-9.82
ITD	15,700	14,200	-1,500	-9.55
IN4	9,800	9,000	-800	-8.16

## LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

### Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,76 0	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,20 0	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,30 0	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,00 0	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

### Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	HSX	82.32	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

### Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	06/01/2011
CTCP Gang thép Thái Nguyên	UPCOM	1840	06/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	UPCOM	15.391	06/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	HSX	176.998	04/01/2011
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	30/12/2010
CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO	HNX	15.61244	30/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	HNX	350	30/12/2010
Công ty Cổ phần Liên Minh	HSX	100	27/12/2010
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010

### Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDG	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV	TVD	HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	26.00		11/01/2011
CTCP Vận tải Biên Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật và Ô tô Trường Long	HTL	HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam	PPS	HNX	150.00		07/01/2011
CTCP Dịch vụ Bến Thành	BSC	HNX	30.00		05/01/2011
CTCP vận tải biển Hải Âu	SSG	HNX	50.00		05/01/2011
CTCP Đường Kon Tum	KTS	HNX	30.00		31/12/2010
CTCP Viễn thông – Tin học – Điện tử	KST	HNX	30.00		29/12/2010

Nguồn: HSX, HSX

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

**E -mail:** [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

**Tel:** (84-4) 3934 3888



**PSI**

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Phòng giao dịch số 2:*

**Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312**

*Phòng giao dịch số 3*

**Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874**

*Phòng giao dịch số 4*

**Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**